Số: 3926/BHXH-QLT-PTNTG
Thời gian ký: 18/11/2026 16:49:12 +07:00

PHỤ LỤC I

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG CHƯA ĐẠT TỶ LỆ 100% HỌC SINH SINH VIÊN THAM GIA BẢO HIỂM Y TẾ

(Số liệu đến 31/10/2026)

(Ban hành kèm theo Công văn số /BHXH-QLT-PTNTG ngày /11/2026 của BHXH thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên đơn vị	Thuộc địa bàn phường/xã	Tổng số HSSV theo học tại trường	Số HSSV tham gia BHYT					Số HSSV chưa tham gia BHYT	
				Tổng số	Số HSSV đã tham gia BHYT HSSV	Số tham gia theo đối tượng khác	Số tham gia theo hộ gia đình	Tỷ lệ tham gia BHYT (%)	Số HSSV	Tỷ lệ HSSV chưa tham gia BHYT (%)
A	B	C	1	2= 3+4+5	3	4	5	6=2/1	7=1-2	8=7/1
I	**Trường công lập**									
1	Trường tiểu học Võ Thị Sáu	Phường Hải Châu	1,914	1,910	1,828	82	0	99.79%	4	0.21%
2	Trường THPT Nguyễn Hiền	Phường Hòa Cường	1,863	1,862	1,711	132	19	99.95%	1	0.05%
3	Trường tiểu học Núi Thành	Phường Hòa Cường	3,635	3,633	3,336	297		99.94%	2	0.06%
4	Trường THCS Trưng Vương	Phường Hải Châu	2,347	2,338	2,154	184	0	99.62%	9	0.38%
5	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn	Phường Ngũ Hành Sơn	6,251	5,965	5,373	592		95.42%	286	4.58%
6	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	Phường Cẩm Lệ	5,739	5,729	4,682	988	59	99.83%	10	0.17%
7	Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng	Phường Hải Châu	3,576	3,356	3,136	220	0	93.85%	220	6.15%
8	Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt- Anh thuộc Đại học Đà Nẵng	Phường Hải Châu	1,128	1,111	1,046	40	25	98.49%	17	1.51%
9	Trường Đại học sư phạm	Phường Hòa Khánh	10,104	10,080	6,672	3,349	59	99.76%	24	0.24%
10	Trường Đại học Bách khoa	Phường Liên Chiểu	17,829	17,560	14,836	1,435	1,289	98.49%	269	1.51%
11	Trường Đại học kinh tế	Phường Ngũ Hành Sơn	13,571	13,552	10,366	2,985	201	99.86%	19	0.14%
12	Trường THPT Phan Châu Trinh	Phường Hải Châu	4,033	3,939	3,567	372		97.67%	94	2.33%
13	Trường THCS Đàm Quang Trung	Phường Hải Vân	2,221	2,197	2,034	163		98.92%	24	1.08%
14	Trường Cao đẳng giao thông vận tải Trung ương V	Phường Hải Vân	2,673	2,651	2,272	379		99.18%	22	0.82%
15	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Đà Nẵng	Phường Hòa Khánh	597	583	19	564		97.65%	14	2.35%
16	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	Phường Hải Vân	1,213	1,212	962	250		99.92%	1	0.08%
17	Trường tiểu học Duy Tân	Phường Hòa Khánh	3,415	3,400	2,929	471		99.56%	15	0.44%
18	Trường tiểu học Ngô Sĩ Liên	Phường Liên Chiểu	3,190	3,182	2,802	380		99.75%	8	0.25%
19	Trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Phường Hòa Khánh	4,076	4,071	3,721	350		99.88%	5	0.12%
20	Trường tiểu học Triệu Thị Trinh	Phường Hải Vân	2,372	2,255	2,034	221		95.07%	117	4.93%
21	Trường THCS Lương Thế Vinh	Phường Hòa Khánh	4,199	4,023	3,572	451		95.81%	176	4.19%
22	Trường THPT Liên Chiểu	Phường Hải Vân	1,434	1,365	1,245	120		95.19%	69	4.81%
23	Trường THCS Nguyễn Trãi	Phường Thanh Khê	1,623	1,606	1,578	28		98.95%	17	1.05%
24	Trường THCS Phan Đình Phùng	Phường Thanh Khê	2,308	2,295	2,247	48		99.44%	13	0.56%
25	Trường THPT Thanh Khê	Phường Thanh Khê	1,589	1,587	1,550	37		99.87%	2	0.13%
26	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Phát	Phường Liên Chiểu	1,521	1,516	1,477	39		99.67%	5	0.33%
27	Trường TH Đoàn Thị Điểm	Phường Thanh Khê	1,546	1,510	1,388	122		97.67%	36	2.33%
28	Trường THCS Nguyễn Lương Bằng	Phường Liên Chiểu	3,694	3,476	3,393	83		94.10%	218	5.90%

29	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	Phường Hòa Khánh	1,280	1,264	1,024	240		98.75%	16	1.25%
30	Trường TH Huỳnh Ngọc Huệ	Phường Thanh Khê	2,157	2,147	1,750	397		99.54%	10	0.46%
31	Trường TH Dũng Sĩ Thanh Khê	Phường Thanh Khê	3,108	3,095	2,855	240		99.58%	13	0.42%
32	Trường tiểu học Bùi Thị Xuân	Phường Hòa Khánh	3,500	3,477	2,610	867		99.34%	23	0.66%
33	Trường Tiểu học Hòa Sơn	Phường Hòa Khánh	2,007	2,005	1,958	47		99.90%	2	0.10%
34	Trường ĐH Xây dựng Miền Trung - Cơ sở đào tạo tại Đà Nẵng	Phường Hải Vân	919	816	488	328		88.79%	103	11.21%
35	Trung tâm giáo dục thường xuyên Đà Nẵng	Phường An Hải	2,265	1,769	1,684	85	0	78.10%	496	21.90%
36	Trường Cao đẳng Đà Nẵng	Phường An Hải	5,032	4,564	2,695	1,869	0	90.70%	468	9.30%
37	Trường Cao đẳng du lịch Đà Nẵng	Phường Ngũ Hành Sơn	2,016	1,588	698	890	0	78.77%	428	21.23%
38	Trường Cao đẳng Lương thực - thực phẩm	Phường An Hải	1,268	1,209	920	289	0	95.35%	59	4.65%
39	Trường THCS Hoàng Sa	Phường Sơn Trà	2,819	2,747	2,117	630	0	97.45%	72	2.55%
40	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	Phường Sơn Trà	2,542	2,448	2,170	278	0	96.30%	94	3.70%
41	Trường Tiểu học Hai Bà Trưng	Phường Sơn Trà	2,410	2,359	2,056	303	0	97.88%	51	2.12%
42	Trường Tiểu học Quang Trung	Phường Sơn Trà	1,964	1,954	1,708	246	0	99.49%	10	0.51%
43	Trường Tiểu học Trần Quang Diệu	Phường Ngũ Hành Sơn	2,487	2,469	2,158	311	0	99.28%	18	0.72%
44	Trường tiểu học Trần Nhân Tông	Phường Cẩm Lệ	2,754	2,745	2,358	387		99.67%	9	0.33%
45	Trường tiểu học Thái Thị Bôi	Phường An Khê	4,435	4,397	4,008	389		99.14%	38	0.86%
46	Trường tiểu học Bà Nà	Xã Bà Nà	2,143	2,139	2,119	20		99.81%	4	0.19%
47	Trường Tiểu Học Hòa Phú	Xã Hòa Vang	514	446	364	82		86.77%	68	13.23%
48	Trường THCS Nguyễn Văn Linh	Phường Cẩm Lệ	4,494	4,472	4,237	235		99.51%	22	0.49%
49	Trường THCS Nguyễn Thị Định	Phường An Khê	3,768	3,757	3,475	282		99.71%	11	0.29%
50	Trường Trung Học Cơ Sở Ông Ích Đường	Xã Hòa Vang	1,776	1,760	1,572	188		99.10%	16	0.90%
51	Trường PTNT Tiểu học và THCS Hùng Sơn	Xã Hùng Sơn	1,254	1,249	0	1,249	0	99.60%	5	0.40%
52	Trường TH&THCS Lê Lợi	Xã Sông Vàng	248	247	0	247	0	99.60%	1	0.40%
53	Trường PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở Dang	Xã Tây Giang	575	574	0	574	0	99.83%	1	0.17%
54	Trường PTNT tiểu học và trung học cơ sở Tây Giang	Xã Tây Giang	1,052	1,046	107	939	0	99.43%	6	0.57%
55	Trường CĐ Công nghệ Kinh tế và Thủy lợi MiềnTrung	Phường Hội An Tây	946	792	422	370		83.72%	154	40.00%
56	Trường CĐ Điện Lực Miền Trung	Phường Hội An Tây	735	613	229	384		83.40%	122	49.39%
57	Trường Tiểu học Duy NGhĩa	Xã Duy Nghĩa	2,511	2,508	2,486	22		99.88%	3	0.12%
58	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	Phường Hội An	1,686	1,685	1,639	46		99.94%	1	0.06%
59	Trường TH và THCS Lý Thường Kiệt	Phường Hội An	1,794	1,792	1,782	10		99.89%	2	0.11%
60	Trường THCS Duy Nghĩa	Xã Duy Nghĩa	1,966	1,942	1,899	43		98.78%	24	1.22%
61	Trường THCS Hội An Đông	Phường Hội An Đông	1,432	1,430	1,394	36		99.86%	2	0.14%
62	Trường THPT Hồ Nghinh	Xã Duy Nghĩa	1,245	1,225	1,205	20		98.39%	20	1.61%
63	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Phường Hội An Đông	1,074	1,068	1,027	41		99.44%	6	0.56%
64	Học sinh Trường Tiểu học Văn Thanh Tùng	Phường Điện Bàn Đông	1,606	1,603	1,571	32	0	99.81%	3	0.19%
65	Học sinh Trường Tiểu học Kim Đồng	Phường Điện Bàn	1,751	1,750	1,671	79	0	99.94%	1	0.06%
66	Học sinh Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	Phường An Thắng	2,596	2,592	2,518	74	0	99.85%	4	0.15%
67	Học sinh Trường Tiểu học Phan Thúc Duyện	Xã Điện Bàn Tây	1,461	1,460	1,426	34	0	99.93%	1	0.07%
68	Học sinh Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	Phường Điện Bàn Đông	2,436	2,434	2,363	71	0	99.92%	2	0.08%

69	Học sinh Trường Tiểu học Phạm Phú Thứ	Phường Điện Bàn	1,455	1,453	1,401	52	0	99.86%	2	0.14%
70	Học sinh Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	Phường Điện Bàn Bắc	2,373	2,368	2,272	96	0	99.79%	5	0.21%
71	Học sinh Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Trần Cao Vân	Xã Gò Nổi	1,098	1,096	1,069	27	0	99.82%	2	0.18%
72	Học sinh Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lê Đình Dương	Xã Gò Nổi	860	859	839	20	0	99.88%	1	0.12%
73	Học sinh Trường Trung học cơ sở Điện Bàn	Phường Điện Bàn	2,713	2,711	2,532	179	0	99.93%	2	0.07%
74	Học sinh Trường Trung học cơ sở Lê Trí Viễn	Phường Điện Bàn Bắc	2,029	2,023	1,930	93	0	99.70%	6	0.30%
75	Học sinh Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Trỗi	Phường An Thắng	2,227	2,226	2,143	83	0	99.96%	1	0.04%
76	THCS Dũng Sĩ Điện Ngọc - Điện Bàn	Phường Điện Bàn Đông	2,005	2,002	1,948	54	0	99.85%	3	0.15%
77	Học sinh Trường Trung học cơ sở Võ Như Hưng	Phường Điện Bàn Đông	2,241	2,226	2,146	80	0	99.33%	15	0.67%
78	Trường THCS Lê Ngọc Giá	Phường Điện Bàn Đông	1,316	1,314	1,279	35	0	99.85%	2	0.15%
79	Trường THPT Nguyễn Duy Hiệu	Phường Điện Bàn	1,751	1,738	1,690	48	0	99.26%	13	0.74%
80	Trường THPT Phạm Phú Thứ	Xã Gò Nổi	801	799	778	21	0	99.75%	2	0.25%
81	Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại Thành phố Đà Nẵng	Phường Điện Bàn Đông	1,440	1,439	1,242	197	0	99.93%	1	0.07%
82	Trường Tiểu học Nam Phước	Xã Nam Phước	3,853	3,754	3,405	349	0	97.43%	99	2.57%
83	Trường Trung học cơ cở Nam Phước	Xã Nam Phước	3,217	3,138	2,991	147	0	97.54%	79	2.46%
84	Trường Trung học phổ thông Sào Nam	Xã Nam Phước	2,626	2,536	1,531	1,005	0	96.57%	90	3.43%
85	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	Xã Thu Bồn	2,644	2,568	2,486	82		97.13%	76	2.87%
86	Trường THCS Lê Quang Sung	Xã Thu Bồn	1,959	1,945	1,931	14		99.29%	14	0.71%
87	Trường THPT Lê Hồng Phong	Xã Thu Bồn	1,078	1,074	1,022	52		99.63%	4	0.37%
88	Trường tiểu học Ái Nghĩa	Xã Đại Lộc	1,688	1,677	1,602	75		99.35%	11	0.65%
89	Trường tiểu học Đại Lộc	Xã Đại Lộc	1,822	1,804	1,768	36		99.01%	18	0.99%
90	Trường tiểu học Đại Hòa	Xã Đại Lộc	1,086	1,046	1,010	36		96.32%	40	3.68%
91	Trường THCS Nguyễn Trãi	Xã Đại Lộc	2,072	2,056	1,989	67		99.23%	16	0.77%
92	Trường THCS Mỹ Hòa	Xã Đại Lộc	1,792	1,768	1,692	76		98.66%	24	1.34%
93	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ	Xã Đại Lộc	2,597	2,577	2,500	77		99.23%	20	0.77%
94	Trường TH và THCS Đại Cường	Xã Vu Gia	1,164	1,146	1,099	47		98.45%	18	1.55%
95	Trường TH và THCS Đại Minh	Xã Vu Gia	1,053	1,031	989	42		97.91%	22	2.09%
96	Trường TH và THCS Đại Phong	Xã Vu Gia	1,069	1,041	1,002	39		97.38%	28	2.62%
97	Trường TH Phú Thuận	Xã Phú Thuận	1,528	1,516	1,454	62		99.21%	12	0.79%
98	Trường THCS Phú Thuận	Xã Phú Thuận	1,362	1,333	1,273	60		97.87%	29	2.13%
99	Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển	Xã Phú Thuận	1,570	1,539	1,454	85		98.03%	31	1.97%
100	Trường Tiểu học và THCS Đại Đồng	Xã Hà Nha	1,583	1,569	1,533	36		99.12%	14	0.88%
101	Trường Tiểu học và THCS Đại Hồng	Xã Hà Nha	1,333	1,318	1,306	12		98.87%	15	1.13%
102	Trường Tiểu học và THCS Đại Quang	Xã Hà Nha	1,588	1,570	1,545	25		98.87%	18	1.13%
103	Trường THPT Chu văn An	Xã Hà Nha	1,334	1,315	1,281	34		98.58%	19	1.42%
104	Trường tiểu học và THCS Đại Sơn	Xã Thượng Đức	427	420	409	11		98.36%	7	1.64%
105	Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Huệ	Xã Thượng Đức	1,161	1,137	1,093	44		97.93%	24	2.07%
106	Trường Tiểu học và THCS Quang Trung	Xã Thượng Đức	787	745	694	51		94.66%	42	5.34%

107	Học sinh Trường THCS Quế Sơn	Xã Quế Sơn	1,568	1,565	99	1,466		99.81%	3	0.19%
108	Trường THPT Quế Sơn	Xã Quế Sơn	1,672	1,655	660	995		98.98%	17	1.02%
109	Học sinh Trường tiểu học Quế Sơn Trung	Xã Quế Sơn Trung	1,062	1,058	891	167		99.62%	4	0.38%
110	Học sinh Trường Tiểu học Quế Mỹ	Xã Quế Sơn Trung	773	767	622	145		99.22%	6	0.78%
111	Học sinh Trường THCS Quế Sơn Trung	Xã Quế Sơn Trung	978	977	884	93		99.90%	1	0.10%
112	Học sinh Trường THCS Quế Mỹ	Xã Quế Sơn Trung	828	816	720	96		98.55%	12	1.45%
113	Trường TH Nông Sơn	Xã Nông Sơn	1,299	1,235	1,134	101		95.07%	64	4.93%
114	Học sinh Trường THCS Nông Sơn	Xã Nông Sơn	1,119	1,058	990	68		94.55%	61	5.45%
115	Học sinh Trường THPT Nông Sơn	Xã Nông Sơn	899	821	772	49		91.32%	78	8.68%
116	Học sinh Trường tiểu học Trần Quý Cáp	Xã Quế Phước	638	552	489	63		86.52%	86	13.48%
117	Học sinh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	Xã Quế Phước	632	564	497	67		89.24%	68	10.76%
118	Học sinhTrường tiểu học Lê Văn Tám	Xã Hiệp Đức	1,149	1,115	1,000	115		97.04%	34	2.96%
119	Học sinh Trường THCS Phan Bội Châu	Xã Hiệp Đức	1,079	1,069	984	85		99.07%	10	0.93%
120	Trường THPT Hiệp Đức	Xã Hiệp Đức	977	945	583	362		96.72%	32	3.28%
121	Học sinh Trường tiểu học Lý Tự Trọng	Xã Việt An	1,439	1,315	1,075	240		91.38%	124	8.62%
122	Học sinh Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Xã Việt An	1,365	1,259	1,166	93		92.23%	106	7.77%
123	Trường THPT Trần Phú- Việt An	Xã Việt An	801	716	503	213		89.39%	85	10.61%
124	Học sinh Trường THCS Đồng Dương	Xã Đồng Dương	990	974	878	96		98.38%	16	1.62%
125	Học sinh Trường TH Đồng Dương 2	Xã Đồng Dương	762	761	683	78		99.87%	1	0.13%
126	Học sinh Trường TH Đồng Dương 1	Xã Đồng Dương	465	464	456	8		99.78%	1	0.22%
127	Học sinh Trường THPT Nguyễn Thái Bình	Xã Thăng An	1,649	1,643	1,590	53		99.64%	6	0.36%
128	Học sinh Trường Trung học cơ sở Thăng An	Xã Thăng An	3,100	3,093	2,833	260		99.77%	7	0.23%
129	Học sinh Trường tiểu học Thăng An	Xã Thăng An	3,957	3,950	3,852	98		99.82%	7	0.18%
130	Học sinh Trường THPT Tiểu La	Xã Thăng Bình	2,523	2,450	2,436	14	0	97.11%	73	2.89%
131	Học sinh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	Xã Thăng Bình	1,063	1,039	1,035	4		97.74%	24	2.26%
132	Học sinh Trường THCS Lê Quý Đôn	Xã Thăng Bình	2,116	2,086	2,066	20		98.58%	30	1.42%
133	Học sinh Trường TH Kim Đồng	Xã Thăng Bình	1,312	1,296	1,282	13	1	98.78%	16	1.22%
134	Học sinh Trường TH Lương Thế Vinh	Xã Thăng Bình	992	972	965	7		97.98%	20	2.02%
135	Học sinh Trường TH Nguyễn Trãi	Xã Thăng Bình	977	959	942	17		98.16%	18	1.84%
136	Học sinh Trường TH Nguyễn Khuyến	Xã Thăng Bình	686	680	628	52		99.13%	6	0.87%
137	Học sinh Trường THPT Hùng Vương	Xã Thăng Điền	1,382	1,373	1,322	51		99.35%	9	0.65%
138	Học sinh Trường THCS Phan Bội Châu	Xã Thăng Điền	2,324	2,269	2,217	52		97.63%	55	2.37%
139	Học sinh Trường TH Thăng Điền	Xã Thăng Điền	2,741	2,727	2,406	321		99.49%	14	0.51%
140	Trường THCS Lê Lợi	Xã Thăng Phú	856	852	807	45		99.53%	4	0.47%
141	Trường TH Trần Hưng Đạo	Xã Thăng Phú	888	882	852	30		99.32%	6	0.68%
142	Trường THCS Thăng Trường	Xã Thăng Trường	1,003	1,001	975	26		99.80%	2	0.20%
143	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Xã Xuân Phú	1,245	1,210	1,124	86		97.19%	35	2.81%
144	Trường TH Kim Đồng	Xã Tiên Phước	1,391	1,361	1,228	133		97.84%	30	2.16%
145	Trường TH Trần Huỳnh	Xã Tiên Phước	780	760	741	19		97.44%	20	2.56%
146	Trường THCS Lý Tự Trọng	Xã Tiên Phước	1,235	1,219	1,123	96		98.70%	16	1.30%

147	Trường THCS Trần Ngọc Sương	Xã Tiên Phước	680	676	658	18		99.41%	4	0.59%
148	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	Xã Tiên Phước	2,312	2,273	2,051	222		98.31%	39	1.69%
149	Trường Tiểu học Đào Em	Xã Thạnh Bình	568	567	323	244		99.82%	1	0.18%
150	Trường THCS Lê Vĩnh Khanh	Xã Thạnh Bình	811	804	650	154		99.14%	7	0.86%
151	Trường TH Nguyễn Đình Tựu	Xã Sơn Cẩm Hà	1,117	1,103	1,060	43		98.75%	14	1.25%
152	Trường THCS Lê Cơ	Xã Sơn Cẩm Hà	957	947	894	53		98.96%	10	1.04%
153	Trường TH Lãnh Ngọc	Xã Lãnh Ngọc	1,167	1,085	818	267		92.97%	82	7.03%
154	Trường THCS Lãnh Ngọc	Xã Lãnh Ngọc	970	928	866	62		95.67%	42	4.33%
155	Trường TH Nguyễn Trãi	Xã Tây Hồ	1,132	1,113	1,092	21		98.32%	19	1.68%
156	Trường TH Phan Đình Phùng	Xã Tây Hồ	1,174	1,170	1,133	37		99.66%	4	0.34%
157	Trường THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	Xã Tây Hồ	926	916	884	32		98.92%	10	1.08%
158	Trường THCS Phan Châu Trinh	Xã Tây Hồ	1,006	1,003	970	33		99.70%	3	0.30%
159	Trường THPT Trần Văn Dư	Xã Tây Hồ	817	814	780	34		99.63%	3	0.37%
160	Trường TH Chiên Đàn	Xã Chiên Đàn	2,341	2,331	2,306	25		99.57%	10	0.43%
161	Trường THCS Chiên Đàn	Xã Chiên Đàn	2,079	2,077	2,041	36		99.90%	2	0.10%
162	Trường Tiểu học Kim Đồng	Xã Trà My	1,164	1,092	817	275	0	93.81%	72	6.19%
163	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	Xã Trà My	582	565	100	465	0	97.08%	17	2.92%
164	Trường THCS Nguyễn Du	Xã Trà My	986	942	620	312	10	95.54%	44	4.46%
165	Trường THPT Bắc Trà My	Xã Trà My	1,570	1,494	339	1,155	0	95.16%	76	4.84%
166	Trường THCS Nguyễn Huệ	Xã Trà My	482	464	87	377	0	96.27%	18	3.73%
167	Học sinh Trường THPT Trần Cao Vân	Phường Tam Kỳ	1,653	1,643	1,491	152		99.40%	10	0.60%
168	Học sinh Trường Tiểu Học Võ Thị Sáu	Phường Bàn Thạch	1,929	1,899	1,633	266		98.44%	30	1.56%
169	Học sinh Trường THCS Nguyễn Du	Phường Bàn Thạch	2,653	2,626	2,311	315		98.98%	27	1.02%
170	Học sinh Trường THPT Nguyễn Huệ	Xã Núi Thành	1,654	1,649	1,534	115	0	99.70%	5	0.30%
171	Học sinh Trường TH Ngô Quyền	Phường Quảng Phú	2,375	2,374	2,298	76		99.96%	1	0.04%
172	Học sinh Trường THCS Quang Trung	Xã Đức Phú	600	585	567	18		97.50%	15	2.50%
173	Học sinh Trường THPT Cao Bá Quát	Xã Tam Anh	1,396	1,384	1,348	36		99.14%	12	0.86%
174	Học sinh Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	Phường Bàn Thạch	1,985	1,984	1,912	72		99.95%	1	0.05%
175	Học sinh Trường Tiểu học Đỗ Thế Chấp	Xã Tam Xuân	992	990	984	6	0	99.80%	2	0.20%
176	Học sinh Trường THCS Võ Chí Công	Xã Tam Xuân	1,652	1,651	1,601	50		99.94%	1	0.06%
177	Học sinh Trường THCS Lý Thường Kiệt	Phường Quảng Phú	1,780	1,756	1,732	24	0	98.65%	24	1.35%
178	Học sinh Trường THPT Duy Tân	Phường Quảng Phú	1,365	1,351	1,294	57		98.97%	14	1.03%
179	SV Trường CĐ Y tế TP Đà Nẵng	Phường Tam Kỳ	1,360	1,303	105	1,198		95.81%	57	4.19%
180	Học sinh Trường trung học cơ sở Tam Kỳ	Phường Tam Kỳ	4,100	4,052	3,738	314		98.83%	48	1.17%
181	Học sinh Trường THPT Phan Bội Châu	Phường Hương Trà	2,786	2,763	2,648	115		99.17%	23	0.83%
182	Học sinh Trường Tiểu Học - Trung học cơ sở Lê Thị Hồng Gấm	Phường Hương Trà	1,651	1,637	1,578	57	2	99.15%	14	0.85%
183	Học sinh Trường TH Nguyễn Du	Xã Tam Mỹ	1,308	1,301	1,159	142		99.46%	7	0.54%
184	Học sinh Trường TH Nguyễn Hiền	Xã Tam Anh	2,502	2,480	2,416	64		99.12%	22	0.88%
185	Học sinh Trường tiểu học Núi Thành	Xã Núi Thành	5,574	5,503	5,129	374		98.73%	71	1.27%
186	Học sinh Trường Trung học cơ sở Núi Thành	Xã Núi Thành	4,296	4,286	4,008	278		99.77%	10	0.23%

187	Học sinh Trường Trung cấp KTKT và Đào tạo cán bộ HTX Miền trung - Tây Nguyên	Phường Bàn Thạch	216	210	210	0	0	97.22%	6	2.78%
188	Học sinh Trường THCS Nguyễn Khuyến	Xã Tam Anh	1,952	1,945	1,889	56	0	99.64%	7	0.36%
189	Học sinh Trường TH Nguyễn Chí Thanh	Xã Tam Xuân	956	954	920	34	0	99.79%	2	0.21%
190	Học sinh Trường THPT Núi Thành	Xã Núi Thành	1,453	1,431	1,384	47		98.49%	22	1.51%
191	Học sinh Trường THCS Nguyễn Trãi	Xã Tam Mỹ	1,212	1,199	1,166	33		98.93%	13	1.07%
192	SV Trường ĐH Quảng Nam	Phường Tam Kỳ	2,887	2,796	1,082	1,714		96.85%	91	3.15%
II	**Trường ngoài công lập**									
193	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Trí	Phường Hòa Cường	1,117	1,113	1,039	74		99.64%	4	0.36%
194	Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Sky-Line	Phường Hòa Cường	1,725	1,648	1,597	18	33	95.54%	77	4.46%
195	Trường Cao đẳng Đại Việt Đà Nẵng	Phường Hòa Cường	657	633	536	55	42	96.35%	24	3.65%
196	Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	Phường Hòa Cường	8,280	8,180	6,960	1,102	118	98.79%	100	1.21%
197	Trường Cao đẳng Phương Đông Đà Nẵng	Phường Hòa Cường	1,008	998	712	209	77	99.01%	10	0.99%
198	TRUNG TÂM FPT POLYTECHNIC ĐÀ NẴNG	Phường Thanh Khê	2,150	1,166	1,013	153		54.23%	984	45.77%
199	Trường TH, THCS và THPT Anh Quốc	Phường Thanh Khê	263	242	222	20		92.02%	21	7.98%
200	Trường TH, THCS và THPT Việt Nhật	Phường Thanh Khê	843	809	764	45		95.97%	34	4.03%
201	Trường trung cấp chuyên nghiệp ý Việt	Phường Thanh Khê	652	633	618	15		97.09%	19	2.91%
202	Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Khai Trí	Phường Hòa Khánh	599	597	522	75		99.67%	2	0.33%
203	Phân hiệu Trường Đại học FPT tại thành phố Đà Nẵng	Phường Ngũ Hành Sơn	5,219	5,001	4,305	696	0	95.82%	218	4.18%
204	Trường Đại học Mỹ tại Việt Nam (AUV)	Phường Ngũ Hành Sơn	31	6	6	0	0	19.35%	25	80.65%
205	Trường TH, THCS, THPT Quốc tế Hoa Kỳ APU ĐN	Phường Ngũ Hành Sơn	252	174	174	0	0	69.05%	78	30.95%
206	Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT	Phường Ngũ Hành Sơn	4,606	4,230	3,995	235	0	91.84%	376	8.16%
207	Trường THCS, THPT Hiển nhân	Phường Cẩm Lệ	602	580	480	100		96.35%	22	3.65%
208	Trường Tiểu Học, Trung Học Cơ Sở, Trung Học Phổ Thông SKY-LINE HILL	Phường Điện Bàn Đông	180	178	168	10	0	98.89%	2	1.11%
209	Trường Đại học Phan Châu Trinh	Phường Điện Bàn Đông	1,043	991	607	384	0	95.01%	52	4.99%
210	Học sinh Trường liên cấp song ngữ quốc tế Quảng Nam Academy	Phường Quảng Phú	361	355	306	49		98.34%	6	1.66%
211	SV Trường CĐ Phương Đông - Quảng Nam	Phường Bàn Thạch	667	593	65	528		88.91%	74	11.09%
212	Học sinh Trường Trung học phổ thông Hà Huy Tập	Phường Tam Kỳ	390	380	364	16		97.44%	10	2.56%
213	SV Trường cao đẳng THACO	Xã Núi Thành	624	591	501	48	42	94.71%	33	5.29%